

Số: 854 /TTg-KSTT

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2011

V/v giải quyết khó khăn, vướng mắc của các Bộ, ngành trong quá trình thực thi Phương án đơn giản hóa TTHC

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Các cơ quan: Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Ngân hàng phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội.

Xét đề nghị của các Bộ, ngành về việc giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực thi phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính được ban hành tại các Nghị quyết của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến như sau:

1. Đồng ý với đề nghị của Bộ Quốc phòng về việc thực hiện thí điểm nội dung đơn giản hóa các thủ tục về đăng ký nghĩa vụ quân sự, đăng ký phương tiện kỹ thuật nêu tại các khoản 1, 4, 5, 11 mục II phần A Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2010 về đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Quốc phòng.

Địa điểm thực hiện: tỉnh Hưng Yên và tỉnh Bình Dương.

Thời gian thực hiện: từ ngày 15 tháng 4 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011, chia thành hai giai đoạn:

- Giai đoạn 1: triển khai xong trước ngày 31 tháng 7 năm 2011 đối với nội dung đơn giản hóa của ba (03) thủ tục, gồm: Đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu; đăng ký vào ngạch dự bị đối với công dân nam hết 25 tuổi mà chưa phục vụ tại ngũ, công dân nữ từ đủ 18 tuổi đến hết 40 tuổi có chuyên môn cần cho quân đội và đăng ký lần đầu đối với phương tiện kỹ thuật thuộc diện huy động bổ sung cho lực lượng thường trực của quân đội;

- Giai đoạn 2: triển khai xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2011 đối với nội dung đơn giản hóa bốn (04) thủ tục, gồm: Đăng ký di chuyển đối với công dân sẵn sàng nhập ngũ khi được gọi vào học các trường; đăng ký di chuyển đối với quân nhân dự bị khi được gọi vào học các trường; đăng ký di chuyển đối với công dân sẵn sàng nhập ngũ khi được tuyển dụng vào làm việc tại các cơ quan, tổ chức và đăng ký di chuyển đối với quân nhân dự bị khi được tuyển dụng vào làm việc tại các cơ quan, tổ chức.

2. Cho phép Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện nội dung đơn giản hóa các thủ tục hành chính nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 mục A phần I Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-CP theo lộ trình như sau:

12582442

- Thực hiện nội dung đơn giản hóa các thủ tục hành chính nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13 mục A phần I Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngay từ ngày Nghị định thay thế Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón và Nghị định số 191/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2003/NĐ-CP có hiệu lực thi hành. Thời hạn hoàn thành chậm nhất ngày 31 tháng 8 năm 2011;

- Thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại khoản 6 mục A phần I Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-CP sau sáu (06) tháng kể từ ngày Nghị định thay thế Nghị định số 113/2003/NĐ-CP ngày 07 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh phân bón và Nghị định số 191/2007/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2003/NĐ-CP có hiệu lực thi hành. Thời hạn hoàn thành chậm nhất ngày 29 tháng 02 năm 2012;

- Thời hạn hiệu lực của các Danh mục bổ sung phân bón được phép sản xuất, kinh doanh và sử dụng ở Việt Nam ban hành từ năm 2006 đến nay được kéo dài đến hết tháng 12 năm 2012.

3. Giữ nguyên nội dung đơn giản hóa của thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu tự động nêu tại khoản 4 mục A phần II Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2010. Để đảm bảo tính khả thi của việc xây dựng hàng rào kỹ thuật thay thế thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu tự động, yêu cầu Bộ Công Thương chủ động nghiên cứu, đánh giá, xây dựng đủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho các nhóm sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương; tích cực phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ khẩn trương hoàn thành Dự án “Xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật” quy định tại Quyết định số 712/QĐ-TTg ngày 21 tháng 5 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia “Nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa của doanh nghiệp Việt Nam đến năm 2020”. Xây dựng lộ trình áp dụng các biện pháp kỹ thuật thay thế dần thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu tự động, trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 30 tháng 9 năm 2011. Trong thời gian xây dựng các biện pháp kỹ thuật, Bộ Công Thương được tiếp tục duy trì thủ tục cấp giấy phép nhập khẩu tự động.

4. Không đồng ý với đề nghị của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp về việc đưa nội dung kiến nghị sửa đổi một số điều tại Luật Đất đai, Luật Quản lý thuế theo Phương án đơn giản hóa tại Nghị quyết của Chính phủ để sửa đổi cùng với các nội dung khác của các dự án luật này tại Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2011 và 2012 của Quốc hội.

Yêu cầu các Bộ, ngành được giao chủ trì soạn thảo các dự án luật, pháp lệnh để thực thi Phương án đơn giản hóa theo Nghị quyết của Chính phủ triển khai ngay việc sửa đổi, bổ sung các quy định về thủ tục hành chính theo đúng nội

dung đơn giản hóa đã được Chính phủ thông qua, kịp thời gửi Bộ Tư pháp để tổng hợp trình Chính phủ trong một luật sửa nhiều luật, một pháp lệnh sửa nhiều pháp lệnh, bảo đảm tiến độ theo Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2011 đã được Quốc hội điều chỉnh.

5. Yêu cầu Bộ, ngành thực hiện quy trình, thủ tục rút gọn theo quy định tại Khoản 3 Điều 75 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008 để thực thi phương án đơn giản hóa theo các Nghị quyết của Chính phủ như sau:

- Bỏ bước thành lập Ban soạn thảo và Tổ biên tập; Các Bộ, cơ quan ngang Bộ trực tiếp tổ chức việc soạn thảo;

- Bỏ bước lấy ý kiến cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thực thi Phương án đơn giản hóa theo các Nghị quyết của Chính phủ;

- Sau khi hoàn thiện dự thảo văn bản sửa đổi để thực thi phương án đơn giản hóa, cơ quan chủ trì soạn thảo gửi cơ quan thẩm định để thực hiện thẩm định dự thảo văn bản trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ thẩm định. Cơ quan thẩm định thực hiện thẩm định theo đúng thời hạn nêu trên.

6. Đồng ý điều chỉnh một số vấn đề về kỹ thuật (tại Phụ lục 1 đính kèm) và phê duyệt nội dung sửa đổi, bổ sung luật, pháp lệnh thực thi Phương án đơn giản hóa (tại Phụ lục 2 đính kèm) theo đề nghị của các bộ, ngành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTg, các Phó TTg;
- VPCP: BTCN, các PCN;
Các vụ: TCCV, KTTH, KTN, KGVX,
PL, NC, QHQT, Công TTĐT;
- Lưu: VT, KSTT (5), H. 51



Nguyễn Tấn Dũng

09582442



Phụ lục I

TRƯỜNG GIẢ KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC CỦA CÁC BỘ, NGÀNH QUA TRÌNH THỰC THI CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA CHÍNH PHỦ VỀ ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Công văn số 854/TTg-KSTT ngày 31 tháng 5 năm 2011
của Thủ tướng Chính phủ)

1. Về đề nghị sửa đổi Luật, Pháp lệnh

a) Đồng ý với đề nghị của các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Khoa học và Công nghệ, Tài chính, Tư pháp về việc không sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định tại các Luật, Pháp lệnh sau đây:

- Khoản 1 Điều 88 của Luật Đầu tư năm 2005 nêu tại khoản 1 mục B phần V Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về đơn giản hóa 258 thủ tục hành chính ưu tiên thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, ngành; Khoản 1, Điều 48 của Luật Doanh nghiệp năm 2005 nêu tại Điểm a, Khoản 1, Mục I, Phần II của Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2010 về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- Luật sở hữu trí tuệ số 50/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Luật sở hữu trí tuệ sửa đổi, bổ sung năm 2009 nêu tại Khoản 1, Mục I, Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 67/NQ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2010 và nêu tại Điểm a, Khoản 1, Mục I, phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2010.

- Điều 15, Điều 90 (thực thi Khoản 34, Mục III lĩnh vực chứng khoán, Phần I của Phương án đơn giản hóa) của Luật Chứng khoán năm 2006 nêu tại Đoạn 3, Điểm a, Khoản 1, Mục I, Phần II Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính; chuyển nội dung sửa đổi Điều 16 của Pháp lệnh Giá về đổi tên gọi từ “cấp thẻ thẩm định viên về giá” thành “cấp chứng chỉ hành nghề thẩm định giá” vào Dự án Luật Quản lý giá.

- Luật Công chứng nêu tại Điểm a, Khoản 1, Mục I phần II Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2010.

b) Đồng ý với các Bộ: Công Thương, Thông tin và Truyền thông:

- Bổ sung, sửa đổi Điều 101 của Luật Thương mại năm 2005 để thực thi nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 66, 67, 71, 72 Mục IV, Phần A

Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010.

- Bổ sung, sửa đổi Điều 12, Điều 16, Điều 31 và Điều 42 của Luật Xuất bản năm 2004 để thực thi nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 78, 82, 87 Mục I và các khoản 8, 13 Mục II, Phần A Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2010.

- Bổ sung sửa đổi Khoản 2, Điều 21 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí năm 1999 để thực thi nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 76, 77 Mục I Phần A Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2010.

2. Điều chỉnh một số nội dung nêu tại Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết của Chính phủ

a) Đồng ý với đề nghị của các Bộ, ngành sau đây:

- Đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về bỏ hướng dẫn rõ khái niệm “vốn nhà nước” và “các vốn khác do nhà nước quản lý” nêu tại Khoản 7, Mục A phần V; giữ nguyên quy định về tỷ lệ vốn nhà nước trong dự án cần phải tiến hành đấu thầu của doanh nghiệp và thời hạn giải quyết đối với thủ tục phê duyệt kế hoạch đấu thầu nêu tại Khoản 8, Mục A, Phần V Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2010.

- Đề nghị của Bộ Y tế không phân cấp thẩm quyền cấp giấy chứng nhận thực hành tốt bảo quản thuốc cho Sở Y tế nêu tại Khoản 13, Mục A, Phần XV Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2010.

- Đề nghị của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:

+ Về việc bỏ nội dung đơn giản hóa nêu tại gạch đầu dòng thứ 2, Khoản 2, gạch đầu dòng thứ 2 Khoản 3, gạch đầu dòng thứ 2 Khoản 4, gạch đầu dòng thứ 5 Khoản 7, Mục A, phần XVI Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-CP; cho phép chưa thực thi nội dung đơn giản hóa nêu tại Khoản 15, Mục A, Phần XVI Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2010, giao Ngân hàng Nhà nước tiếp tục rà soát và hoàn thiện dự thảo Thông tư hướng dẫn quản lý ngoại hối đối với hoạt động đầu tư vào Việt Nam thay thế Thông tư 03/2004/TT-NHNN ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam hướng dẫn về quản lý ngoại hối đối với việc góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài trong các doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở sửa đổi quy định liên quan tại Nghị định số 160/2006/NĐ-CP và tinh thần Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 9 tháng 01 năm 2011, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 24 tháng 2 năm 2011 của Chính phủ;

+ Rút phần trách nhiệm thực thi của Ngân hàng Nhà nước nêu tại Khoản 2, Phần II, Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về việc đơn giản hoá thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

- Đề nghị của Bộ Giao thông vận tải về việc bãi bỏ thành phần hồ sơ “Chứng từ nguồn gốc của phương tiện (bản sao chụp kèm bản chính để đối chiếu)” đối với thủ tục hành chính nêu tại tiết 15 và 39 mục A phần V Phương án đơn giản hóa; quy định thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận chất lượng, an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường sắt đối với “Toa xe khách là 28 tháng, toa xe hàng là 36 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu” (thủ tục hành chính nêu tại tiết 18, 19) và đối với “Toa xe khách là 14 tháng, toa xe hàng là 20 tháng kể từ ngày kết thúc kiểm tra đạt yêu cầu” (thủ tục hành chính nêu tại tiết 20) mục A phần V Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2010.

- Đề nghị của Bộ Quốc phòng bổ sung quy định về trách nhiệm của các bên liên quan đối với việc đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu, đăng ký vào ngạch dự bị nêu tại tiết 1, Khoản 1, Mục I, phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 51/NQ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2010 như sau: Việc đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu, đăng ký vào ngạch dự bị (đối với công dân đang cư trú tại địa phương) do Ban chỉ huy quân sự cấp xã thực hiện; đăng ký vào ngạch dự bị (đối với công dân đang làm việc hoặc học tập tại các cơ quan, tổ chức, các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học) do cơ quan, tổ chức, nhà trường thực hiện. Ban chỉ huy quân sự cấp xã, cơ quan, tổ chức, nhà trường có trách nhiệm báo cáo kết quả đăng ký với Ban chỉ huy quân sự cấp huyện.

- Đề nghị của Bộ Tư pháp về việc không chuyên thẩm quyền chứng thực văn bản, hồ sơ bằng tiếng nước ngoài cho Văn phòng công chứng nêu tại Khoản 41, Mục VI, Phần I Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2010.

- Đề nghị của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về bổ sung quy định về thời hạn thực hiện các nội dung đơn giản hóa nêu tại tiết 51, 52 mục A phần I Phương án đơn giản hóa: trước tháng 06 năm 2012; duy trì mẫu đơn đăng ký chủ trì đề tài, dự án khoa học công nghệ đối với thủ tục “Tuyển chọn chủ trì đề tài/dự án nghiên cứu khoa học công nghệ cấp Bộ - B-BNN-009122-TT” nêu tại tiết 6 mục A phần VII Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010.

- Đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về thời hạn ban hành Dự thảo Thông tư liên tịch thay thế Thông tư liên tịch số 02/2008/TTLT-BKH-BNN-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2008 như sau: Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì,

phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài chính xây dựng Dự thảo Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Thông tư liên tịch số 02/2008/TTLT-BKH-BNN-BTC ngày 23 tháng 6 năm 2008, ban hành cùng thời điểm Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 147/2007/QĐ-TTg ngày 10 tháng 9 năm 2007 về một số chính sách phát triển rừng sản xuất để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại tiết 47, 48, 49, 54, 55, 56, 57, 65 và 73, Mục A, Phần XII của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ.

- Đề nghị của Bộ Công Thương không thực hiện “pháp lý hóa văn bản quy định về trình tự, cách thức, hồ sơ thực hiện thủ tục hành chính” nêu tại Điểm c, Khoản 67, Mục VI, Phần A; không thực hiện “pháp lý hóa quy định thành phần hồ sơ” đối với trường hợp thay đổi, bổ sung nội dung đăng ký tổ chức hội chợ, triển lãm nêu tại Điểm a, Khoản 75, Mục VI, Phần A; sửa Điểm b, Khoản 66, Mục VI, Phần A và Điểm b, Khoản 67, Mục VI, Phần A như sau: Giấy tờ chứng minh việc thương nhân thực hiện nghĩa vụ thông báo thực hiện khuyến mại đến cơ quan quản lý nhà nước về thương mại có thẩm quyền để phục vụ việc quyết toán thuế được xác định theo Giấy biên nhận hồ sơ hoặc theo xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước về thương mại có thẩm quyền về việc đã tiếp nhận thông báo thực hiện khuyến mại; bãi bỏ thủ tục hành chính nêu tại Khoản 128, Mục XIV, Phần B; giữ nguyên quy định về điều kiện về cơ sở vật chất và tài chính nêu tại Điểm c, Khoản 16, Mục I, Phần A; không quy định mẫu đề cương hoặc mẫu hóa nội dung báo cáo đối với nhóm thủ tục về nhập khẩu sợi thuốc lá nêu tại Điểm a, Khoản 31, Mục II, Phần A; không bổ sung quy định các biện pháp xử lý vi phạm giấy phép bị thu hồi có thời hạn, thu hồi vĩnh viễn đối với thủ tục Cấp Giấy phép sản xuất thuốc lá nêu tại Điểm b, Khoản 33, Mục II, phần A Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010.

- Đề nghị của Bộ Y tế:

+ Sửa Điểm a, Khoản 7, Mục I, Phần I Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 62/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010: bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép đầu tư do cơ sở tự xác nhận đối với lần đăng ký đầu tiên;

+ Sửa Điểm d, Khoản 7, Mục I, Phần I Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 62/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 quy định cụ thể thời gian cấp GDP: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp cấp liên thông với Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc; 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định đối với trường hợp chỉ xin cấp chứng nhận thực hành tốt phân phối; thời gian cấp các giấy khác: 30 ngày làm việc đối với trường hợp chỉ cấp Giấy chứng nhận Thực hành

tốt (GMP, GLP, GSP, GDP); 40 ngày làm việc nếu cấp liên thông Giấy chứng nhận Thực hành tốt (GMP, GLP, GSP, GDP) với Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc;

+ Sửa Điều đ, Khoản 39, Mục I, Phần I Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết 62/2010/NQ-CP: “Quy định thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 30 ngày làm việc”;

+ Giữ nguyên quy định về thời gian giải quyết theo quy định của Luật Dược 2005 đối với thủ tục hành chính nêu tại các khoản 52, 54, 60, 68, 70 Mục I, Phần I Phương án đơn giản hóa; giữ nguyên “Giấy khám sức khỏe” trong thành phần hồ sơ và thời hạn giải quyết như quy định hiện hành đối với nhóm thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho người Việt Nam nêu tại Điểm b, Khoản 1, Mục V, Phần I Phương án đơn giản hóa; giữ nguyên quy định về thời hạn giải quyết đối với nhóm thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh nêu tại Khoản 1, Mục V, Phần I Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 62/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010.

- Đồng ý sửa nội dung đơn giản hóa nêu tại Điểm c, Khoản 1-6, Mục V, Phần I, Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết số 63/NQ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2010 như sau: “Chứng thực chữ ký của người dịch sang tiếng Việt trong trường hợp hợp đồng xuất khẩu được lập bằng ngoại ngữ khác không phải là tiếng Anh”.- Đề nghị của Bộ Tài chính về nội dung đơn giản hóa nêu tại Điểm c, Khoản 3, Mục V.B lĩnh vực Tài chính chung, Phần I Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2010.

- Đồng ý với đề nghị của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Bổ sung vào Khoản 2 Mục II, Phần B của Nghị quyết số 69/NQ-CP về việc giao Bộ Tài chính xây dựng dự thảo Thông tư hướng dẫn thu phí, lệ phí đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia để thực thi nội dung đơn giản hóa nêu tại Khoản 6, Mục III, Phần A, Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2010”; bỏ yêu cầu “huy chương, huy hiệu, cờ hiệu, biểu tượng của giải” trong thành phần hồ sơ nêu tại các khoản 1, 2, 6, Mục VIII, Phần A Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2010.

- Đồng ý với đề nghị của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch: Thay thế gạch đầu dòng thứ 3, Điểm a, Khoản 1, Mục II, Phần B của Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2010 thành “Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản văn hóa và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa”.

- Đề nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư giữ nguyên quy định hiện hành về Giấy tờ xác nhận việc góp vốn của thành viên mới vào công ty (đối với trường

hợp kết nạp thêm thành viên mới), Giấy tờ chứng thực đã hoàn tất việc chuyển nhượng vốn có xác nhận của công ty (đối với trường hợp thay đổi thành viên do chuyển nhượng vốn) trong thành phần hồ sơ của thủ tục Đăng ký thay đổi thành viên công ty TNHH hai thành viên trở lên nêu tại Điểm b, Khoản 7, Mục I phần I Phương án đơn giản hóa; không bãi bỏ các thủ tục Đăng ký thay đổi danh sách người đại diện theo ủy quyền đối với công ty TNHH một thành viên (chủ sở hữu là tổ chức) và thủ tục Đăng ký thay đổi người đại diện theo ủy quyền của thành viên đối với công ty TNHH hai thành viên trở lên tại Khoản 8, Mục I, Phần I Phương án đơn giản hóa; giữ nguyên yêu cầu về "Danh sách người đại diện theo ủy quyền" và "Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp trong công ty" trong hồ sơ đăng ký chuyển đổi công ty TNHH hai thành viên trở lên thành công ty TNHH một thành viên nêu tại Điểm a, Khoản 20, Mục I, phần I Phương án đơn giản hóa; giữ nguyên quy định hiện hành về số lượng hồ sơ đối với thủ tục Thành lập tổ hợp tác nêu tại Điểm b, Khoản 18, Mục II, Phần I Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2010.

- Đề nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc giữ nguyên thời hạn giải quyết 20 ngày làm việc như quy định hiện hành đối với thủ tục "Cấp phép sử dụng tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện đối với đài bờ liên lạc với các phương tiện nghề cá", mã số hồ sơ: B-BTT-155270-TT để đảm bảo tính đặc thù của hoạt động này; tiếp tục duy trì mẫu đơn và bản khai xin cấp phép của thủ tục "Cấp phép vệ tinh cho cơ quan đại diện nước ngoài, đoàn đại biểu cấp cao nước ngoài được hưởng quy chế ưu đãi, miễn trừ ngoại giao, phóng viên nước ngoài đi theo phục vụ đoàn" theo qui định tại Thông tư liên tịch số 01/2006/TTLT-BBCVT-BNG-BCA ngày 03 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 24/2010/TT-BTTTT ngày 28 tháng 10 năm 2010.

Bổ sung, sửa đổi một số nội dung sau đây của phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-CP:

+ Tại đoạn 1, Điểm b, Khoản 86, Mục I, Phần A của Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ: nộp bản sao có chứng thực đối với các giấy tờ qui định tại Điểm d và Điểm đ, Điều 11 của Thông tư số 02/2010/TT-BTTTT ngày 11 tháng 01 năm 2010 đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện; nộp bản sao kèm theo bản gốc để đối chiếu đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ quan giải quyết;

+ Tại Điểm b, Khoản 27; Đoạn 4, Khoản 29; Đoạn 2, Khoản 30; Đoạn 2 Khoản 31; Đoạn 2, Khoản 32, Mục I, Phần A Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ: nộp bản sao có chứng thực một trong các loại giấy tờ chứng minh tư cách pháp nhân (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Quyết định/Giấy phép thành lập,

Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy phép đầu tư đối với tổ chức; Chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu đối với cá nhân) đối với trường hợp nộp hồ sơ qua đường bưu điện; nộp bản sao kèm bản gốc để đối chiếu hoặc nộp bản sao có chứng thực đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp.

b) Điều chỉnh về trách nhiệm thực thi

- Bỏ trách nhiệm thực thi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam nêu tại Điểm b, Khoản 2, Mục B, Phần V Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2010 và Khoản 2, Mục II, Phần II Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2010.

- Bỏ nội dung liên quan đến nhiệm vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi Quyết định số 50/2006/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ nêu tại Điểm b, Khoản 2, Mục B, Phần VIII Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2010.

- Tại Điểm c, Khoản 2, Mục B, Phần VII Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2010: Giao Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành liên quan xây dựng Dự thảo Nghị định về việc ban hành quy chế và hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam thay thế Quyết định số 340/TTg ngày 24 tháng 5 năm 1996 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế và hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam, trình Chính phủ trước ngày 31 tháng 7 năm 2010.

- Tại Khoản 2, Mục B, Phần X Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2010: Giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ ngành có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung các quy định có liên quan tại Nghị định số 12/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thương mại về hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế và các hoạt động đại lý mua, bán, gia công, quá cảnh hàng hóa với nước để thực hiện nội dung đơn giản hóa nêu tại Khoản 34, Mục A, Phần II Phương án đơn giản hóa 258 thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ, ngành ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-CP của Chính phủ ngày 02 tháng 6 năm 2010.

- Bỏ trách nhiệm thực thi của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ và Quyết định số 170/1999/QĐ-TTg ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ nêu tại mục B, phần XVI, Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 25/NQ-CP ngày 02 tháng 6 năm 2010.

Giao Ngân hàng Nhà nước Việt Nam căn cứ thời hạn, tiến độ xây dựng dự án Pháp lệnh Ngoại hối nêu tại mục I phần B của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ, hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung quy định liên quan tại Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Ngoại hối để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 6, 9 Mục II, Phần A của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ, trình Chính phủ ban hành; xây dựng Thông tư để thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định liên quan tại Công văn số 86/CV-NHNN7 ngày 25 tháng 01 năm 2000 của Ngân hàng Nhà nước về việc xuất nhập ngoại tệ tiền mặt để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại Khoản 6, Mục II, Phần A của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ, trình kèm dự thảo sửa đổi Nghị định số 160/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2007 và ban hành cùng với thời điểm Chính phủ ban hành dự thảo Nghị định nêu trên.

- Tại Phần B, Mục III Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2010: Giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Nghị định số 136/2007/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2007 của Chính phủ về việc xuất nhập cảnh của công dân Việt Nam.

- Tại mục B phần V Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 45/NQ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2010: Bổ sung trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải về việc sửa đổi Quyết định số 2687/2000/QĐ-BGTVT ngày 14/9/2000 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tiêu chuẩn, chức trách và nhiệm vụ của đăng kiểm viên phương tiện thủy nội địa để thực thi nội dung đơn giản hóa nêu tại tiết 16 mục A phần V của Phương án đơn giản hóa.

- Tại Điều b, Khoản 1, Mục II, Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2010, sửa đổi:

+ Giao Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan xây dựng Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 181/2005/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc phân loại, xếp hạng các tổ chức sự nghiệp, dịch vụ công lập để thực hiện nội dung đơn giản hóa nêu tại các khoản 9 và 29 Mục V, Phần A Phương án đơn giản hóa, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành;

+ Giao Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và Bộ, ngành liên quan xây dựng

Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 290/2005/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ chính sách đối với một số đối tượng trực tiếp tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước nhưng chưa được hưởng chính sách của Đảng và Nhà nước để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại Khoản 21, Mục VII, Phần A của Phương án đơn giản hóa, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành.

- Tại Khoản 1, Mục II Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 10/12/2010: bỏ quy định giao trách nhiệm cho Bộ Ngoại giao xây dựng, ban hành thông tư mới thay thế Thông tư số 2461/2001/TT-BNG ngày 5 tháng 10 năm 2001 để thực hiện nội dung đơn giản hóa nêu tại các khoản 11, 12, 39 và 40 Mục I Phương án đơn giản hóa.

- Tại Khoản 3, Mục II Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 10/12/2010, bổ sung: Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao, Bộ Công an xây dựng Thông tư liên tịch sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2010/TTLT-BTP-BNG-BCA ngày 01 tháng 3 năm 2010 của Bộ Tư pháp, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an hướng dẫn thi hành Nghị định số 78/2009/NĐ-CP ngày 22/9/2009 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam để thực thi nội dung đơn giản hóa nêu tại các khoản 11, 12, 39 và 40 Mục I của Phương án đơn giản hóa.

- Bỏ trách nhiệm thực thi của Bộ Giao thông vận tải nêu tại Khoản 3, Mục II, Phần 2 Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2010. Bổ sung trách nhiệm thực thi của Bộ Tư pháp nêu tại Điểm a, Khoản 1, Mục II, Phần 2, Phụ lục Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2010 như sau: “để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại: Điểm a, Khoản 8, Mục I...”.

- Bỏ trách nhiệm thực thi phương án đơn giản hóa của Bộ Tài nguyên và Môi trường nêu tại gạch đầu dòng thứ ba Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010.

- Tại Khoản 2, Mục B, Phần I Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010: Giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Nghị định số 15/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 03 năm 2010 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động sản xuất, kinh doanh phân bón để thực hiện nội dung đơn giản hoá thủ tục hành chính nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 9, 12, 13, 16, 18 Mục A, Phần I của Phương án đơn giản hóa.

- Tại gạch đầu dòng thứ nhất Điểm a, Khoản 2, Mục B, Phần I Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12

năm 2010: Bộ Nghị định số 104/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 09 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng thay bằng Nghị định số 88/2010/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2010 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng.

- Tại gạch đầu dòng thứ hai, Điểm a, Khoản 2, Mục B, Phần I Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010: Bộ Quyết định số 129/2008/QĐ-BNN ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định khảo nghiệm, công nhận và đặt tên phân bón mới thay bằng Thông tư số 52/2010/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 9 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn khảo nghiệm, công nhận, đặt tên phân bón mới.

- Tại gạch đầu dòng thứ ba Khoản 1, Mục B, Phần II Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, điều chỉnh như sau: xây dựng dự thảo thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Thông tư số 38/2010/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại Khoản 17, Mục A, Phần II của Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết này, ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của pháp lệnh sửa đổi các quy định có liên quan.

- Tại gạch đầu dòng thứ ba Điểm a, Khoản 2, Mục B, Phần II Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010: Bộ Quyết định số 89/2006/QĐ-BNN ngày 02 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật; Quyết định số 50/2003/QĐ-BNN ngày 25 tháng 3 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành quy định kiểm định chất lượng, dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và khảo nghiệm thuốc bảo vệ thực vật nhằm mục đích đăng ký tại Việt Nam; Quyết định số 63/2007/QĐ-BNN ngày 02 tháng 7 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật ban hành kèm theo Quyết định số 89/2006/QĐ-BNN ngày 02 tháng 10 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thay bằng Thông tư số 38/2010/TT-BNNPTNT ngày 28 tháng 6 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý thuốc bảo vệ thực vật.

- Tại gạch đầu dòng thứ ba Khoản 1, Mục B, Phần III Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010: Bộ trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi

Quyết định số 18/2008/QĐ-BNN ngày 28 tháng 01 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Chăn nuôi.

- Tại gạch đầu dòng thứ ba Khoản 1, Mục B, Phần III Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010: Bổ sung trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi Thông tư số 63/2010/TT-BNNPTNT ngày 01 tháng 11 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc quy định giấy chứng nhận lưu hành tự do đối với sản phẩm, hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực thi nội dung đơn giản hóa của thủ tục hành chính “Đề nghị cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do cho sản phẩm xuất khẩu” nêu tại Khoản 5, Mục A, Phần III Phương án đơn giản hóa.

- Tại gạch đầu dòng thứ hai Điểm a, Khoản 2, Mục B, Phần IV Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010: Bổ sung trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi Quyết định số 126/2008/QĐ-BNN ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung Quy định mẫu hồ sơ kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật; kiểm tra vệ sinh thú y ban hành kèm theo Quyết định số 86/2005/QĐ-BNN ngày 26 tháng 12 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thực thi nội dung đơn giản hóa nêu tại các khoản 10, 11 Mục A, Phần IV Phương án đơn giản hóa.

- Bổ trách nhiệm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi Quyết định số 15/2006/QĐ-BTS ngày 08 tháng 9 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) ban hành Quy chế quản lý nhập khẩu, xuất khẩu hàng hoá chuyên ngành thủy sản nêu tại gạch đầu dòng thứ ba Điểm a, Khoản 2, Mục B, Phần IV Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010.

- Tại Điểm a, Khoản 2, Mục B, Phần IV Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, bổ sung quy định: Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Nghị định số 119/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2005 quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 Mục A, Phần IV của Phương án đơn giản hóa.

- Tại Mục B, Phần X Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010, bổ sung quy định:

+ Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Nghị định số 52/2010/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ về nhập khẩu tàu cá để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 16, 17 Mục A, Phần X của Phương án đơn giản hóa;

+ Xây dựng dự thảo thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Thông tư số 48/2010/TT-BNNPTNT ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 33/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2010 của Chính phủ về quản lý hoạt động khai thác thủy sản của tổ chức, cá nhân Việt Nam trên các vùng biển để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại Khoản 28, Mục A, Phần X của Phương án đơn giản hóa.

- Tại Khoản 3, Mục II, Phần B Phương án đơn giản ban hành kèm theo Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010: bổ sung trách nhiệm của Bộ Công Thương xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Thông tư số 19/2005/TT-BTM ngày 08 tháng 11 năm 2005 về đăng ký bán hàng đa cấp để thực hiện nội dung đơn giản hóa nêu tại các khoản 123, 124 Mục XIII, Phần A Phương án đơn giản.

- Bổ trách nhiệm thực thi của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nêu tại Khoản 6, Mục II Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ về đơn giản hóa thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Tại Khoản 3, Mục II, Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010: Bổ sung trách nhiệm thực thi của Bộ Công Thương xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Thông tư số 09/2007/TT-BTM ngày 17 tháng 7 năm 2007 hướng dẫn thi hành Nghị định số 23/2007/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2007 để thực thi nội dung đơn giản hóa nêu tại các khoản 53, 54, 55 Mục IV, Phần A của Phương án đơn giản hóa.

- Bổ trách nhiệm thực thi giao cho Bộ Công Thương nêu tại gạch đầu dòng thứ 2 và gạch đầu dòng thứ 15 Khoản 1, gạch đầu dòng thứ 2 Khoản 2, gạch đầu dòng thứ 4 và thứ 5 Khoản 3, Mục II, Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010.

- Tại Khoản 5, Mục II, Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010: bổ sung thêm Quyết định số 3806/QĐ-BTM ngày 29 tháng 7 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Thương mại về việc ban hành mẫu đơn đăng ký danh mục hàng nhập khẩu, hàng tạm

nhập tái xuất, hàng thanh lý của nhà thầu nước ngoài trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam, để thực hiện nội dung đơn giản hóa nêu tại các khoản 47, 48 Mục II, Phần A Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010.

- Bỏ trách nhiệm thực thi giao cho Bộ Công Thương nêu tại Điểm c, Khoản 2, Mục II, Phần B Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết số 61/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010.

- Bỏ trách nhiệm thực thi của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Quyết định số 51/2008/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ của Nhà nước đối với cơ sở sản xuất kinh doanh dành riêng cho người lao động là người tàn tật (nêu tại gạch đầu dòng thứ nhất Điểm a, Khoản 4, Mục II Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết số 64/NQ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2010).

- Tại Điểm b, Khoản 2, Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2010: Giao Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng văn bản quy phạm pháp luật quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch công chức của trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 7, 8, 9 Mục I, Phần A của Phương án đơn giản hóa.

- Tại Điểm b, Khoản 4, Mục II, Phần II của Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2010: Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ ngành có liên quan xây dựng dự thảo Thông tư để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư liên tịch số 37/2001/TTLT-BKHCNMT-TCHQ ngày 28 tháng 6 năm 2001 hướng dẫn thủ tục hải quan và kiểm tra chất lượng đối với hàng hóa nhập khẩu phải kiểm tra nhà nước về chất lượng để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại Khoản 50 Mục I.C lĩnh vực hải quan, Phần I của Phương án đơn giản hóa.

- Tại Điểm b, Khoản 1, Mục II, Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2010, điều chỉnh: Giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng Quyết định của Thủ tướng sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Quyết định số 10/2007/QĐ-TTg ngày 23 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại Khoản 10, Mục VI, Phần A Phương án đơn giản hóa.

- Tại Phương án đơn giản hóa kèm theo Nghị quyết số 70/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2010:

+ Bộ nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại Khoản 25, Mục I, Phần I. Yêu cầu Kế hoạch và Đầu tư: thống kê, công bố, cập nhật nhóm thủ tục về đăng ký kinh doanh, đăng ký hoạt động, đăng ký thay đổi nội dung đã đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa học, công nghệ tự trang trải kinh phí (Mã số hồ sơ: B-BKH-051637-TT; B-BKH-051655-TT; B-BKH-051662-TT; B-BKH-051671-TT; B-BKH-051701-TT); chuẩn hóa nhóm thủ tục đăng ký kinh doanh của các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài nêu tại Khoản 26, Mục I, Phần I của Phương án đơn giản hóa theo quy định tại Điều 24 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và văn bản hướng dẫn thi hành để thống kê, công bố, cập nhật đảm bảo minh bạch, thuận lợi trong quá trình thực hiện;

+ Bộ trách nhiệm của Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2007 của Chính phủ và Nghị định số 28/2005/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2005 của Chính phủ nêu tại Điểm a, Khoản 1, Mục I, Phần II.

- Tại đoạn 10 Khoản 1 và đoạn 3 Khoản 4, Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2010, điều chỉnh: Giao Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Nghị định số 67/1996/NĐ-CP ngày 31 tháng 10 năm 1996 của Chính phủ ban hành Quy chế quản lý hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài, các cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam và xây dựng Thông tư liên tịch để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư liên bộ số 84/1996/TTLB-BVHTT-BNG ngày 31 tháng 12 năm 1996 hướng dẫn thi hành quy chế quản lý hoạt động thông tin, báo chí của phóng viên nước ngoài, các cơ quan, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam để thực thi nội dung đơn giản hóa tại Khoản 72, Mục I và Khoản 3, Mục II của Phương án đơn giản hóa.

- Tại đoạn 9 Khoản 3, Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ: Giao Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2003/TT-BVHTT ngày 16/7/2003 của Bộ Văn hóa Thông tin hướng dẫn Nghị định số 24/2003/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh quảng cáo theo phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 76, 77 Mục I, Phần A của Phương án đơn giản hóa.

- Tại đoạn 2 Khoản 4, Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2010 của Chính phủ: Giao Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư liên tịch số 85/2008/TTLT-BVHTTDL-BTTTT ngày 18 tháng 01 năm 2008 hướng dẫn đăng ký quảng cáo trên mạng thông tin máy tính

theo phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 58, 76, 77 Mục I, Phần A của Phương án đơn giản hóa.

c) Điều chỉnh về việc dẫn chiếu

- Bỏ Khoản 4, Mục II, Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 48/NQ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2010.

- Tại đoạn cuối cùng của Điểm a, Khoản 1, Mục I, Phần II Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2010: để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 3, 4, 6, 7, 9, 13, 14, 15, 16, 19, 24, 26, 27, 28, 29, 30, 31 Mục III và Khoản 41, Mục VI, Phần I Phương án đơn giản hóa.

- Sau đoạn "Nghị định số 32/2002/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2002 của Chính phủ quy định việc áp dụng Luật Hôn nhân và Gia đình đối với đồng bào dân tộc thiểu số" nêu tại Điểm a, Khoản 1, Mục II, Phần II Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2010, bổ sung: Nghị định số 02/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Công chứng.

- Tại đoạn cuối cùng của Điểm a, Khoản 1, Mục II, Phần II Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2010, điều chỉnh: để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại Khoản 1, Mục I; các khoản 2, 4, 5, 6 Mục II; các khoản 1, 2, 5, 10, 11, 12, 17, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30 Mục III; Khoản 3, Mục V và các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45 Mục VI, Phần I Phương án đơn giản hóa.

- Tại đoạn cuối cùng của Điểm d, Khoản 1, Mục II, Phần II Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2010, điều chỉnh: để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Mục I; các khoản 1, 3 Mục II; các khoản 3, 4, 5, 6, 8, 9, 13, 14, 15, 16, 18, 20, 21, 22, 23 Mục III; các khoản 1, 2, 3, 4, 5 Mục V và các khoản 1, 3, 11, 19, 20, 24, 25, 28, 35, 36, 37, 38, 39 Mục VI, Phần I Phương án đơn giản hóa.

- Tại Khoản 3, Mục I, Phần II Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 10 tháng 12 năm 2010: Giao Bộ Xây dựng, trên cơ sở Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh được Quốc hội thông qua, căn cứ vào Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về thời hạn, tiến độ phải hoàn thành, chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các quy định có liên quan tại Luật Nhà ở năm 2005, để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại Khoản

28, Mục III, Phần I Phương án đơn giản hóa này, gửi Bộ Tư pháp tổng hợp, trình Chính phủ xem xét, quyết định việc trình dự thảo Luật.

- Tại Khoản 1, Mục B, Phần XII Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 57/NQ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2010: chuyển tiết 27 và tiết 72 tại gạch đầu dòng thứ nhất xuống đoạn cuối cùng của gạch đầu dòng thứ hai.

- Tại các khoản 1, 2, 3 Mục I, Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010: dẫn chiếu các khoản 76, 77, 78, 82, 83 Mục VII, Phần A của Phương án đơn giản hóa.

- Tại Khoản 1, Mục II, Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010, bổ sung: Giao Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp, Văn phòng Chính phủ và các Bộ, ngành liên quan xây dựng Nghị định sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các quy định liên quan tại Nghị định số 105/2005/NĐ-CP ngày 17 tháng 8 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực; xây dựng Thông tư sửa đổi, bổ sung thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ các văn bản: Quyết định số 31/2006/QĐ-BCN ngày 06 tháng 9 năm 2006, Quyết định số 32/2006/QĐ-BCN ngày 6 tháng 9 năm 2006 về quản lý sử dụng giấy phép hoạt động điện lực, Quyết định số 15/2008/QĐ-BCT ngày 01 tháng 7 năm 2008 về bổ sung sửa đổi Quyết định số 32/2006/QĐ-BCN để thực thi nội dung đơn giản hóa nêu tại các khoản 79, 80, 81 Mục VII, Phần A Phương án đơn giản hóa.

- Tại gạch đầu dòng thứ nhất Khoản 2, Mục II, phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 59/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010, điều chỉnh: Quyết định số 24/2002/QĐ-BCN ngày 07 tháng 6 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc quản lý sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu linh kiện xe hai bánh gắn máy để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại Khoản 126, Mục XIV, Phần A của Phương án đơn giản hóa này.

- Tại Khoản 3, Mục II, phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết 60/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010, bổ sung: Thông tư 16/2009/TT-NHNN ngày 11 tháng 8 năm 2009 của Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi bổ sung một số điều của quy chế phát hành giấy tờ có giá trong nước của tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 07/2008/QĐ-NHNN ngày 24 tháng 3 năm 2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước để thực hiện nội dung đơn giản hoá thủ tục nêu tại Khoản 84, Phần A Phương án đơn giản hóa.

- Tại Khoản 5, Mục II, Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết 60/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010, bổ sung: Quyết định số 07/2008/QĐ-NHNN ngày 24 tháng 3 năm 2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà

nước về việc ban hành Quy chế phát hành giấy tờ có giá trong nước của tổ chức tín dụng để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 84, Phần A Phương án đơn giản hóa; Quyết định số 30/2006/QĐ-NHNN ngày 11 tháng 7 năm 2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế cung ứng và sử dụng séc để thực thi phương án đơn giản hoá nêu tại Khoản 86, Phần A Phương án đơn giản hóa.

- Tại gạch đầu dòng thứ tư Khoản 3, Mục II, Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết 60/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010, điều chỉnh: Thông tư số 07/2001/TT-NHNN ngày 31 tháng 8 năm 2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thực hiện Quy chế quản lý tiền của nước có chung biên giới tại khu vực biên giới và khu vực kinh tế cửa khẩu để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại Khoản 5, Mục II, Phần A Phương án đơn giản hóa.

- Tại gạch đầu dòng thứ năm Khoản 3, Mục II, Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết 60/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010, điều chỉnh: Thông tư số 06/2002/TT-NHNN ngày 23 tháng 12 năm 2002 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 79/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty tài chính để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 48, 50, 52 Mục III, Phần A Phương án đơn giản hóa.

- Tại gạch đầu dòng thứ sáu Khoản 3, Mục II, Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết 60/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010, điều chỉnh: Thông tư số 10/2003/TT-NHNN ngày 16 tháng 9 năm 2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn thi hành Nghị định số 174/1999/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 1999 của Chính phủ về quản lý hoạt động kinh doanh vàng và Nghị định số 64/2003/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 174/1999/NĐ-CP để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 11, 16 Mục II, Phần A Phương án đơn giản hóa.

- Tại gạch đầu dòng thứ chín Khoản 3, Mục II, Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết 60/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010, điều chỉnh: Thông tư số 06/2005/TT-NHNN ngày 12 tháng 10 năm 2005 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính và Nghị định số 65/2005/NĐ-CP ngày 19/05/2005 của Chính phủ Quy định về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2001/NĐ-CP ngày 02 tháng 5 năm 2001 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Công ty cho thuê tài chính để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 53, 54 Mục III, Phần A Phương án đơn giản hóa.

- Tại gạch đầu dòng thứ mười Khoản 3, Mục II, Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết 60/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010, điều chỉnh: Thông tư số 03/2007/TT-NHNN ngày 05 tháng 6 năm 2007 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 22/2006/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài, ngân hàng liên doanh, ngân hàng 100% vốn nước ngoài, văn phòng đại diện TCTD nước ngoài tại Việt Nam để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 37, 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45 Mục III, Phần A Phương án đơn giản hóa.

- Tại gạch đầu dòng thứ mười ba Khoản 3, Mục II, Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết 60/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010, điều chỉnh: Thông tư số 08/2009/TT-NHNN ngày 28 tháng 04 năm 2009 của Ngân hàng Nhà Nước hướng dẫn về mạng lưới hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 66, 68, 69 Mục III, Phần A Phương án đơn giản hóa.

- Tại gạch đầu dòng thứ mười bốn Khoản 3, Mục II, Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết 60/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010, điều chỉnh: Thông tư số 08/2009/TT-NHNN ngày 28 tháng 4 năm 2009 hướng dẫn về mạng lưới hoạt động của các tổ chức tài chính quy mô nhỏ hoạt động tại Việt Nam để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 66, 67, 68, 69 Mục III, Phần A Phương án đơn giản hóa.

- Tại gạch đầu dòng thứ hai Khoản 4, Mục II, Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết 60/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010, điều chỉnh: Thông tư 02/2008/TT-NHNN ngày 2 tháng 4 năm 2008 của Ngân hàng Nhà nước về việc hướng dẫn thực hiện Nghị định số 28/2005/NĐ-CP ngày 09 tháng 3 năm 2005 về tổ chức và hoạt động của tổ chức tài chính quy mô nhỏ tại Việt Nam và Nghị định số 165/2007/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2007 sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số điều của Nghị định số 28/2005/NĐ-CP của Chính phủ để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại Khoản 62, Mục III, Phần A Phương án đơn giản hóa.

- Tại gạch đầu dòng thứ 12 Khoản 5, Mục II, Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết 60/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010, điều chỉnh: Quyết định số 1087/2001/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 8 năm 2001 của Ngân hàng Nhà nước về Quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần của Nhà nước và nhân dân để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại Khoản 36, Mục III, Phần A Phương án đơn giản hóa.

- Tại gạch đầu dòng thứ 20 Khoản 5, Mục II, Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết 60/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010, điều

chính: Quyết định số 05/2007/QĐ-NHNN ngày 30 tháng 01 năm 2007 của Ngân hàng Nhà nước để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 74, 75, 76 Mục III, Phần A Phương án đơn giản hóa.

- Tại gạch đầu dòng thứ 24 Khoản 5, Mục II, Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết 60/NQ-CP ngày 17 tháng 12 năm 2010, điều chỉnh: Quyết định số 309/2002/QĐ-NHNN ngày 9 tháng 4 năm 2002 của Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế thanh toán Điện tử liên ngân hàng để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục nêu tại các khoản 89, 90, 91 Mục III, Phần A Phương án đơn giản hóa.

- Tại đoạn cuối cùng của Điểm c, Khoản 1, Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2010, điều chỉnh: để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Mục I; các khoản 1, 6, 7, 27, 50, 87, 89, 103 Mục II; các khoản 1, 2, 3, 6 Mục III, Phần A Phương án đơn giản hóa.

- Tại Khoản 6, Mục II, Phần II Phương án đơn giản hóa phần I Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2010, điều chỉnh: Giao Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan xây dựng dự thảo Thông tư để sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư số 36/2010/TT-BCA ngày 12 tháng 10 năm 2010 của Bộ Công an quy định về việc tổ chức đăng ký, cấp biển số phương tiện giao thông cơ giới đường bộ để thực hiện nội dung đơn giản hóa thủ tục hành chính nêu tại Khoản 50, Mục I.C lĩnh vực Hải quan, Phần I của Phương án đơn giản hóa.

- Tại Điểm c, Khoản 1, Mục II, Phần B Phương án đơn giản hóa ban hành kèm theo Nghị quyết số 69/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2010, bổ sung: Sửa đổi, bổ sung Quyết định số 86/2008/QĐ-BVHTTDL ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Quy chế thăm dò, khai quật khảo cổ, để thực hiện nội dung đơn giản hoá thủ tục hành chính nêu tại các khoản 1, 2, 3 Mục III, Phần A Phương án đơn giản hóa./.



Phụ lục II

**HỢP NỘI DUNG SỬA ĐỔI LUẬT, PHÁP LỆNH THEO
AN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA CÁC BỘ, NGÀNH**
(Ban hành kèm theo Công văn số: 854 /TTg-KSTT
ngày 31 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ)

I. LUẬT

1. Luật Cư trú số 81/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 2, Điều 32

Nội dung sửa đổi:

Bãi bỏ quy định "Người trong độ tuổi làm nghĩa vụ quân sự, dự bị động viên đi khỏi huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh nơi mình cư trú từ ba tháng trở lên có trách nhiệm khai báo tạm vắng".

- Cơ quan chủ trì: Bộ Công an.

2. Luật số 27/2001/QH10 ngày 29 tháng 6 năm 2001 về phòng cháy và chữa cháy

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 2, Điều 18; Khoản 4, Điều 22 và Khoản 7, Điều 57

Nội dung sửa đổi:

Bãi bỏ nhóm thủ tục về cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về phòng cháy, chữa cháy (*Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về PCCC tại Cục Cảnh sát phòng cháy chữa cháy - Bộ Công an (B-BCA-002587-TT); Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện về PCCC tại Công an cấp tỉnh (B-BCA-002445-TT)*).

- Cơ quan chủ trì: Bộ Công an.

3. Luật Nghĩa vụ quân sự ngày 30 tháng 12 năm 1981

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 20

Bãi bỏ quy định kiểm tra sức khỏe khi công dân đến đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu. Thay thế bằng biện pháp công dân tự kê khai tiền sử bệnh tật của bản thân và gia đình.

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 58

Việc đăng ký nghĩa vụ quân sự lần đầu, đăng ký vào ngạch dự bị (đối với công dân đang cư trú tại địa phương) do Ban chỉ huy quân sự cấp xã thực hiện; đăng ký vào ngạch dự bị (đối với công dân đang làm việc hoặc học tập tại các cơ quan, tổ chức, các trường dạy nghề, trung học chuyên nghiệp, cao

đăng, đại học) do cơ quan, tổ chức, nhà trường thực hiện. Ban chỉ huy quân sự cấp xã, cơ quan, tổ chức, nhà trường có trách nhiệm báo cáo kết quả đăng ký với Ban chỉ huy quân sự cấp huyện”.

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 59

Nội dung sửa đổi:

+ Việc đăng ký di chuyển được tiến hành ngay tại Ban chỉ huy quân sự cấp xã nơi chuyên đi và nơi chuyên đến, không phải đến Ban chỉ huy quân sự cấp huyện để xin Giấy giới thiệu di chuyển và đăng ký chuyên đến;

+ Bổ sung quy định trong thời hạn 10 ngày, công dân phải đi đăng ký khi đến nơi cư trú mới.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Quốc phòng.

4. Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 1; Khoản 2, Điều 17

Nội dung sửa đổi:

+ Bãi bỏ các giấy tờ sau trong thành phần hồ sơ phải nộp: Sơ yếu lý lịch; Giấy chứng nhận sức khỏe; Bản sao Bằng cử nhân luật hoặc bản sao Bằng thạc sỹ luật;

+ Quy định Phiếu lý lịch tư pháp trong hồ sơ cấp chứng chỉ hành nghề luật sư là Phiếu lịch lịch tư pháp số 2 theo quy định tại Điều 43 Luật lý lịch tư pháp.

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 19

Nội dung sửa đổi:

+ Áp dụng các nội dung đơn giản hóa đối với các thủ tục Cấp Chứng chỉ hành nghề luật sư;

+ Bổ sung quy định nộp giấy tờ làm căn cứ để được cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong thành phần hồ sơ, cụ thể như sau: Giấy tờ chứng minh không còn là cán bộ, công chức (đối với thủ tục Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp đã bị thu hồi Chứng chỉ vì lý do là cán bộ công chức); Giấy tờ chứng minh là công dân Việt Nam và đang thường trú tại Việt Nam (đối với thủ tục Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp đã bị thu hồi Chứng chỉ vì lý do không còn thường trú tại Việt Nam); Giấy đề nghị cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư kèm theo bản tự cam kết về việc đã làm mất Chứng chỉ hành nghề luật sư (đối với thủ tục Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư đối với trường hợp bị mất Chứng chỉ); Bản sao có chứng thực quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư và bản sao có chứng thực Quyết định kỷ luật của Đoàn luật sư (đối với thủ tục Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp đã bị thu hồi Chứng chỉ vì lý do bị Đoàn luật sư xử lý kỷ luật bằng hình thức xóa tên khỏi danh sách luật sư của Đoàn); Bản

09582442

sao có chứng thực quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư và bản sao có chứng thực quyết định tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề luật sư có thời hạn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (đối với thủ tục Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp đã bị thu hồi do bị tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề luật sư có thời hạn); Bản sao có chứng thực quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề luật sư và bản sao có chứng thực bản án của Tòa án và quyết định xóa án tích đối với tội danh được ghi trong bản án đó (đối với thủ tục Cấp lại Chứng chỉ hành nghề luật sư trong trường hợp đã bị thu hồi do bị kết án về tội phạm do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý nhưng đã được xóa án tích).

- Sửa đổi, bổ sung: Các Điểm a, b, c, Khoản 2, Điều 27

Nội dung sửa đổi:

Bãi bỏ Giấy yêu cầu luật sư của khách hàng (áp dụng trong các trường hợp không chỉ định) trong thành phần hồ sơ.

- Sửa đổi, bổ sung: Điểm c, d, Khoản 2, Điều 35; Điểm b, c, Khoản 2 Điều 50

Nội dung sửa đổi:

Bãi bỏ các giấy tờ sau trong thành phần hồ sơ phải nộp: Bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư của luật sư thành lập Văn phòng luật sư; Giấy chứng minh về trụ sở Văn phòng luật sư.

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 36, Điều 42

Nội dung sửa đổi:

Quy định việc thành lập văn phòng giao dịch của tổ chức hành nghề luật sư và việc chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên sang công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên là một trong những trường hợp thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư.

- Sửa đổi, bổ sung: Điểm d, đ, Khoản 3, Điều 41

Nội dung sửa đổi:

Bãi bỏ các giấy tờ sau trong thành phần hồ sơ phải nộp: Bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư của Trưởng chi nhánh; Giấy chứng minh về trụ sở của chi nhánh.

- Sửa đổi, bổ sung: Điểm d, Khoản 3, Điều 78

Nội dung sửa đổi:

Bãi bỏ quy định nộp bản sao Chứng chỉ hành nghề luật sư của các luật sư Việt Nam dự kiến làm việc tại công ty/tổ chức.

- Sửa đổi, bổ sung: Điểm b, Khoản 2, Điều 79 và Điểm đ, Khoản 5, Điều 81

Nội dung sửa đổi:

Bãi bỏ giấy tờ chứng minh trụ sở trong thành phần hồ sơ.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Tư pháp.

5. Bộ Luật dân sự năm 2005

Sửa đổi, bổ sung: Điều 450; Khoản 2, Điều 463; Khoản 1, Điều 467; Điều 492; Khoản 2, Điều 689.

6. Luật Đất đai số 13/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003

Sửa đổi, bổ sung: Khoản 1, Điều 126; Khoản 1, Điều 127 và Khoản 1, Điều 129.

7. Luật Nhà ở số 56/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005

Sửa đổi, bổ sung: Khoản 3, Điều 93; Khoản 5, Điều 93 và Khoản 3, Điều 107.

Nội dung sửa đổi:

Bãi bỏ yêu cầu bắt buộc công chứng đối với hợp đồng, giao dịch bất động sản có bước thực hiện tiếp theo tại Văn phòng đăng ký đất và nhà, quy định việc thực hiện công chứng theo nhu cầu của các bên.

- Cơ quan chủ trì:

+ Bộ Tư pháp: Bộ Luật dân sự năm 2005;

+ Bộ Tài nguyên và Môi trường: Luật Đất đai số 13/2003/QH11;

+ Bộ Xây dựng: Luật Nhà ở số 56/2005/QH11.

8. Luật Khiếu nại, tố cáo 1998

- Sửa đổi, bổ sung: Từ Điều 1 đến Điều 39

Nội dung sửa đổi:

Sửa đổi trình tự thực hiện thủ tục hành chính như sau:

+ Trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận được khiếu nại, người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu phải thụ lý giải quyết; thông báo bằng văn bản cho người khiếu nại biết, trường hợp không thụ lý giải quyết thì phải nêu rõ lý do;

+ Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 10 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 15 ngày, kể từ ngày thụ lý.

Ở vùng sâu, vùng xa, vùng đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết không quá 15 ngày kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 20 ngày kể từ ngày thụ lý.

+ Trong thời hạn giải quyết khiếu nại, người có thẩm quyền giải quyết lần đầu có trách nhiệm:

Kiểm tra lại quyết định hành chính, hành vi hành chính của mình, nếu khiếu nại của người khiếu nại là đúng thì ra quyết định giải quyết ngay. Tổ chức xác minh, kết luận nội dung khiếu nại khi thấy cần thiết và ra quyết định giải quyết khiếu nại;

+ Trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày có quyết định giải quyết khiếu nại, người giải quyết khiếu nại lần đầu có trách nhiệm gửi quyết định giải quyết khiếu nại cho người khiếu nại, Thủ trưởng cấp trên trực tiếp của người giải quyết khiếu nại, người có quyền, lợi ích liên quan, người đã chuyển đơn khiếu nại đến.

- Sửa đổi, bổ sung: Từ Điều 1 đến Điều 29 và từ Điều 40 đến Điều 47

Nội dung sửa đổi:

+ Rút ngắn thời hạn giải quyết như sau:

Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.

Ở vùng sâu, vùng xa, vùng đi lại khó khăn thì thời hạn giải quyết khiếu nại không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn, nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.

+ Sửa đổi trình tự giải quyết thủ tục hành chính: Quy định tổ chức gặp gỡ, đối thoại là một trình tự bắt buộc của thủ tục này;

+ Mở rộng vai trò của luật sư trong quá trình giải quyết khiếu nại thông qua việc ghi nhận luật sư có quyền thực hiện các quyền của người khiếu nại khi người khiếu nại ủy quyền;

+ Quy định đối với những vụ việc khiếu nại gay gắt, phức tạp, kéo dài, nếu thấy cần thiết, người giải quyết khiếu nại thành lập Hội đồng tư vấn để tham khảo ý kiến trước khi ra quyết định giải quyết;

+ Quy định rõ, cụ thể, các biện pháp, các chế tài đảm bảo việc thi hành quyết định giải quyết khiếu nại.

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 2, Điều 57; Điều 65 và Điều 67

Nội dung sửa đổi:

+ Quy định mở rộng cách thức tố cáo: Công dân có quyền tố cáo trực tiếp, gửi đơn tố cáo, tố cáo qua điện thoại, qua mạng thông tin điện tử và các hình thức khác theo quy định của pháp luật;

+ Quy định thời hạn giải quyết tố cáo như sau:

Thời hạn giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được quy định như sau:

Thời hạn giải quyết không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý vụ việc tố cáo. Đối với vụ việc có những tình tiết phức tạp, cần có thời gian thanh tra, kiểm tra để xác minh làm rõ thêm thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn, nhưng tối đa không quá 120 ngày, kể từ ngày thụ lý vụ việc tố cáo.

Trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn 1 lần. Thời gian gia hạn không vượt quá 60 ngày;

+ Thời hạn giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về quản lý nhà nước được quy định như sau:

Thời hạn giải quyết tố cáo là 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn có thể kéo dài, nhưng tối đa không quá 60 ngày. Trong trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn 1 lần. Thời gian gia hạn không vượt quá 30 ngày;

+ Bổ sung quy định về thời hiệu xử lý hành vi vi phạm về tố cáo. Không xem xét đối với tố cáo đã hết thời hiệu xử lý;

- Bổ sung nghĩa vụ của người tố cáo: Cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung tố cáo mà mình có được.

- Cơ quan chủ trì: Thanh tra Chính phủ.

9. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo năm 2004

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 1, Điều 2 và Điều 3.

Nội dung sửa đổi: Như đã nêu tại gạch đầu dòng thứ nhất mục 8.

- Cơ quan chủ trì: Thanh tra Chính phủ.

10. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Khiếu nại, tố cáo năm 2005

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 1, Điều 2 và Điều 3.

Nội dung sửa đổi: Như đã nêu tại gạch đầu dòng thứ nhất mục 8.

- Cơ quan chủ trì: Thanh tra Chính phủ.

11. Luật số 63/2006/QH11 về Kinh doanh bất động sản ngày 29 tháng 6 năm 2006

- Sửa đổi, bổ sung: Điểm a, Khoản 2, Điều 50 và Điểm a, Khoản 2, Điều 55

Nội dung sửa đổi:

Bỏ quy định phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi cư trú trong đơn của người đề nghị cấp chứng chỉ.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Xây dựng.

12. Luật Dược số 34/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 1, 3, Điều 13

Nội dung sửa đổi:

+ Phân cấp cho sở y tế các tỉnh, thành phố cấp chứng chỉ hành nghề dược cho cá nhân người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài đăng ký hành nghề dược có vốn đầu tư nước ngoài;

+ Sửa tên khoản 1 thành: “Điều kiện để cấp chứng chỉ hành nghề dược”; Bãi bỏ điều kiện về đạo đức hành nghề; Quy định trách nhiệm, nghĩa vụ của người hành nghề là tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Y tế.

13. Luật Khám chữa bệnh số 40/QH12/2009 ngày 23 tháng 11 năm 2009

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 3, Điều 19

Nội dung sửa đổi:

Bãi bỏ điều kiện “Có lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại xác nhận”.

- Sửa đổi, bổ sung: Điểm đ, e, Khoản 1, Điều 27; Điểm e, Khoản 2, Điều 27

Nội dung sửa đổi:

Bãi bỏ phiếu lý lịch tư pháp, bản sơ yếu lý lịch trong thành phần hồ sơ.

- Sửa đổi, bổ sung: Phần 2, Điểm c, Khoản 1, Điều 46

Nội dung sửa đổi:

+ Bỏ bản sao chứng chỉ hành nghề của từng người hành nghề trong cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

+ Không quy định nộp bản sao chứng chỉ hành nghề của từng người hành nghề đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khác.

- Sửa đổi, bổ sung: Điểm b, Khoản 2, Điều 46

Nội dung sửa đổi:

Bỏ quy định nộp lại bản gốc bị hư hỏng (nếu có).

- Cơ quan chủ trì: Bộ Y tế.

14. Luật Du lịch số 44/2005/QH11 ngày 14 tháng 6 năm 2005

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 2, Điều 46; Khoản 1, Điều 48

Nội dung sửa đổi:

+ Bỏ quy định nộp “bản sao thẻ hướng dẫn viên và hợp đồng của hướng dẫn viên”;

+ Bỏ quy định nộp “chương trình du lịch cho khách quốc tế”.

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 3, Điều 73

Nội dung sửa đổi:

Quy định người có trình độ cao đẳng trở lên đáp ứng điều kiện được cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế.

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 2, Điều 75

Nội dung sửa đổi:

Bỏ quy định nộp “Giấy xác nhận bị mất thẻ hoặc hư hỏng” trong thành phần hồ sơ.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch.

15. Luật Điện lực số 28/2004/QH11

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 34, Điều 38

Nội dung sửa đổi:

Thay thế các thủ tục hành chính này bằng thủ tục Thông báo. Nội dung sửa đổi theo hướng sau:

+ Bổ sung vào Điều 34 Luật Điện lực 2004 về quy định miễn trừ giấy phép hoạt động đối với lĩnh vực tư vấn chuyên ngành điện;

- Sửa đổi, bổ sung Điều 38 về thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động điện lực cho các đơn vị tư vấn chuyên ngành điện bằng việc tiếp nhận thông báo của các đơn vị tư vấn và thực hiện việc kiểm tra, giám sát quá trình hoạt động của các đơn vị tư vấn; quy định rõ việc phân cấp thẩm quyền tiếp nhận và xử lý các thông báo hoạt động tư vấn chuyên ngành điện lực từ trung ương đến địa phương.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Công Thương.

16. Luật Thương mại số 36/2005/QH11

- Nội dung sửa đổi Điều 101

Thay thế thủ tục xác nhận đăng ký bằng thủ tục thông báo thực hiện khuyến mại.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Công Thương.

17. Luật Hợp tác xã số 18/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 3, Điều 12

Nội dung sửa đổi:

Bãi bỏ thủ tục hành chính đăng ký Điều lệ hợp tác xã sửa đổi (cấp tỉnh, huyện).

- Sửa đổi, bổ sung: Điểm đ, Khoản 1 và Điểm a, Khoản 2, Điều 15

Nội dung sửa đổi:

+ Quy định thời hạn giải quyết là 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ bộ hồ sơ theo quy định;

+ Miễn phí đăng ký thành lập hợp tác xã; miễn phí thông báo thay đổi ngành nghề, đăng ký kinh doanh của HTX trên toàn quốc.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

18. Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 4, Điều 16; Khoản 4, 5, Điều 17; Điều 18; Điều 19

Nội dung sửa đổi:

Bỏ yêu cầu phải có văn bản xác nhận vốn pháp định của cơ quan có thẩm quyền đối với ngành nghề kinh doanh phải có vốn pháp định và bản sao hợp lệ chứng chỉ hành nghề của một hoặc một số cá nhân theo quy định của pháp luật chuyên ngành đối với ngành nghề kinh doanh phải có chứng chỉ hành nghề (người đề nghị chỉ xuất trình các giấy tờ nêu trên khi làm thủ tục đề nghị cấp giấy phép hoạt động đối với ngành nghề kinh doanh phải có vốn pháp định hoặc phải có chứng chỉ hành nghề).

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 5, Điều 24; Điều 28

Nội dung sửa đổi:

+ Bỏ phần “Lệ phí đăng ký kinh doanh được xác định căn cứ vào số lượng ngành, nghề đăng ký kinh doanh; mức lệ phí cụ thể do Chính phủ quy định”;

+ Sửa đổi yêu cầu công bố nội dung đăng ký kinh doanh và thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh (phương thức quy định tại Điều 28 Luật Doanh

nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005) theo hướng: đăng tập trung tại một hoặc một số tờ báo nhất định, kể cả báo điện tử và công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia của cơ quan quản lý nhà nước.

- Sửa đổi, bổ sung Khoản 2, Điều 35:

Nội dung sửa đổi:

Bãi bỏ thủ tục Thông báo thời gian mở cửa tại trụ sở chính.

- Sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Điều 50 và Khoản 6, Điều 97

Nội dung sửa đổi:

Bãi bỏ quy định thành viên, nhóm thành viên yêu cầu cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc tổ chức và tiến hành họp Hội đồng thành viên; cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 1, Điều 76

Nội dung sửa đổi:

Bãi bỏ quy định công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên không được giảm vốn điều lệ.

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 4, Điều 86

Nội dung sửa đổi:

Bãi bỏ thủ tục Thông báo cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần trở lên đối với công ty cổ phần.

- Sửa đổi, bổ sung: Điểm a, Khoản 2, Điều 170

Nội dung sửa đổi:

Bãi bỏ thời hạn áp dụng cho việc đăng ký lại đối với tất cả các doanh nghiệp được cấp giấy phép đầu tư trước ngày 01 tháng 7 năm 2006.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

19. Luật Kinh doanh Bảo hiểm số 24/2000/QH10 ngày 09 tháng 12 năm 2000

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 69

Nội dung sửa đổi:

Thay “Chấp thuận” bằng “Thông báo” cho Cục quản lý Bảo hiểm, quy định trong thời gian nhất định cơ quan quản lý nhà nước phải có ý kiến, nếu trong thời gian quy định Cục Quản lý bảo hiểm không có ý kiến, Thông báo của doanh nghiệp coi như có hiệu lực. Bộ Tài chính quy định các nội dung

cần có trong Thông báo. Kèm theo Thông báo là các giấy tờ chứng minh Chủ tịch, Tổng giám đốc (Giám đốc) đáp ứng các điều kiện theo quy định.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Tài chính.

20. Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 47

Nội dung sửa đổi:

Sửa đổi tên thủ tục “Xử lý tiền thuế nộp thừa” thành : “Xử lý tiền thuế, tiền phạt nộp thừa”.

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 58

Nội dung sửa đổi:

Bỏ “Chứng từ nộp thuế” trong thành phần hồ sơ quy định tại Điều 58 Luật Quản lý thuế

- Cơ quan chủ trì: Bộ Tài chính.

21. Bộ Luật Lao động (1994); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Lao động (2002)

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 43 Bộ luật Lao động; Khoản 49, 50 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Lao động năm 2002

Nội dung sửa đổi: Bãi bỏ thủ tục “Cấp sổ lao động”.

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 14 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Lao động năm 2002

Nội dung sửa đổi:

Bãi bỏ việc quy định thang lương, bảng lương phải được đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước về lao động tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở chính của người sử dụng lao động.

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 47, 48 Bộ luật Lao động; Khoản 11, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ Luật Lao động năm 2002

Nội dung sửa đổi:

Bãi bỏ thủ tục “Đăng ký thoả ước lao động tập thể của doanh nghiệp”.

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 82 Bộ luật Lao động

Nội dung sửa đổi:

Bãi bỏ thủ tục “Đăng ký nội quy lao động của các doanh nghiệp”.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

22. Luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11

- Sửa đổi, bổ sung: Điểm a, Khoản 1, Điều 92 và Điều 117

Nội dung sửa đổi:

+ Bỏ quy định doanh nghiệp được giữ lại 2% tiền đóng BHXH, việc giải quyết chế độ ốm đau, thai sản do cơ quan BHXH thực hiện;

+ Quy định thời hạn giải quyết là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 92, Điều 117

Nội dung sửa đổi:

+ Bỏ quy định doanh nghiệp được giữ lại 2% tiền đóng BHXH, việc giải quyết chế độ ốm đau, thai sản do cơ quan BHXH thực hiện;

+ Quy định thời hạn giải quyết là 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

- Thay cụm từ “hồ sơ hợp lệ” bằng cụm từ “đủ hồ sơ theo quy định” tại khoản 3 Điều 117 Luật BHXH.

- Sửa đổi, bổ sung: Điểm a, Khoản 1, Điều 92; Khoản 2 Điều 113; Điều 117

Nội dung sửa đổi:

+ Bỏ quy định doanh nghiệp được giữ lại 2% tiền đóng BHXH, việc giải quyết chế độ ốm đau, thai sản do cơ quan BHXH thực hiện.

+ Thay “chứng nhận theo quy định của pháp luật đối với trường hợp nhận nuôi con nuôi dưới 4 tháng tuổi” bằng “Quyết định công nhận việc nuôi con nuôi (Bản chính hoặc bản sao có chứng thực)”.

+ Quy định cụ thể trình tự thực hiện;

+ Quy định thời hạn giải quyết là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 2, 3, Điều 114; Khoản 2, Điều 118

Nội dung sửa đổi:

+ Thay thế “bản sao Biên bản tai nạn giao thông” đối với trường hợp tai nạn xảy ra trên đường để được xác định là tai nạn lao động bằng bản chính (01 bản) hoặc bản sao có chứng thực (01 bản) của một trong các giấy tờ sau:

* Biên bản khám nghiệm hiện trường và sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông đối với trường hợp bị tai nạn giao thông.

* Biên bản giải quyết vụ tai nạn hoặc biên bản tai nạn do công an xã lập đối với các trường hợp tai nạn do rủi ro khách quan.

* Bản tường trình có xác nhận của người làm chứng và của công an nơi xảy ra vụ tai nạn do rủi ro khách quan.

+ Quy định giấy tờ trong trường hợp không điều trị trong bệnh viện;

+ Bỏ cụm từ “*hồ sơ hợp lệ*” thay bằng “*hồ sơ theo quy định*”;

+ Đề nghị quy định thời hạn người sử dụng lao động phải nộp hồ sơ cho tổ chức BHXH.

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 2, Điều 118

Nội dung sửa đổi:

+ Bỏ cụm từ “*hồ sơ hợp lệ*” thay bằng “*hồ sơ theo quy định*”;

+ Đề nghị quy định thời hạn người sử dụng lao động phải nộp hồ sơ cho tổ chức BHXH.

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 1, Điều 26; Khoản 1, Điều 37; Khoản 1, Điều 48; Điểm a, Khoản 1, Điều 92; Khoản 2, Điều 11; Khoản 1, 3, Điều 117

Nội dung sửa đổi:

+ Bỏ quy định doanh nghiệp được giữ lại 2% tiền đóng BHXH, việc giải quyết chế độ DSPHSK sau ốm đau, thai sản do cơ quan BHXH thực hiện;

+ Bỏ thành phần “*Văn bản đề nghị giải quyết trợ cấp dưỡng sức, phục hồi sức khỏe*” quy định tại khoản 2 Điều 116 của Luật Bảo hiểm xã hội;

+ Quy định thời hạn giải quyết là 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

+ Bỏ cụm từ “*hồ sơ hợp lệ*” thay bằng “*hồ sơ theo quy định*”.

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 1,4, Điều 122

Nội dung sửa đổi:

+ Giảm thời hạn giải quyết từ 30 ngày xuống còn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

+ Quy định thời hạn lập hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ hưu trí của người sử dụng lao động.

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 4, Điều 122

Nội dung sửa đổi:

+ Giảm thời hạn giải quyết từ 30 ngày xuống còn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

+ Quy định cụ thể về “*hồ sơ hợp lệ*”.

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 1, Điều 55; Khoản 4, Điều 122

Nội dung sửa đổi:

+ Quy định cho phép người đang định cư ở nước ngoài được uỷ quyền cho người trong nước thực hiện thủ tục giải quyết bảo hiểm xã hội một lần.

+ Bổ sung trường hợp giải quyết trợ cấp một lần đối với trường hợp có từ 20 năm trở lên mắc bệnh hiểm nghèo và có nhu cầu thì được giải quyết BHXH một lần;

+ Giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống còn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

+ Bổ sung giấy uỷ quyền giải quyết hưởng bảo hiểm xã hội một lần của người đang định cư ở nước ngoài có chứng thực của cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam ở nước mà người đó định cư;

+ Bỏ cụm từ “*hồ sơ hợp lệ*” thay bằng “*hồ sơ theo quy định*”.

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 73; Khoản 2, Điều 124

Nội dung sửa đổi:

+ Bổ sung trường hợp giải quyết trợ cấp một lần đối với trường hợp có từ 20 năm trở lên mắc bệnh hiểm nghèo và có nhu cầu thì được giải quyết BHXH một lần;

+ Bỏ cụm từ “*hồ sơ hợp lệ*” thay bằng “*hồ sơ theo quy định*”.

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 64, Điều 65, Điều 66, Điều 67 và Điều 122

Nội dung sửa đổi:

+ Giảm thời hạn giải quyết từ 15 ngày xuống còn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

+ Quy định việc giải quyết chế độ tuất đối với trường hợp người tham gia BHXH bắt buộc đang đóng BHXH hoặc đang bảo lưu thời gian đóng BHXH chết trong tù;

+ Đề nghị nghiên cứu mức hưởng giữa trợ cấp hàng tháng và trợ cấp một lần để đảm bảo công bằng, hợp lý hơn đối với một số trường hợp còn thân nhân hưởng hàng tháng nhưng thời gian hưởng ngắn;

+ Bỏ cụm từ “*hồ sơ hợp lệ*” thay bằng “*hồ sơ theo quy định*”.

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 78, Điều 124

Nội dung sửa đổi:

+ Quy định việc giải quyết chế độ tuất đối với trường hợp người tham gia BHXH tự nguyện chết trong tù;

+ Quy định cụ thể về “*hồ sơ hợp lệ*”.

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 127, Điều 128

Nội dung sửa đổi:

+ Quy định rõ bản sao có chứng thực giấy chứng nhận chấp hành xong hình phạt tù;

+ Bỏ cụm từ “*hồ sơ hợp lệ*” thay bằng cụm từ “*hồ sơ theo quy định*”.

- Sửa đổi, bổ sung:

Nội dung bổ sung:

+ Bổ sung quy định trong Luật BHXH về việc cấp lại sổ BHXH do người SDLĐ làm mất, hỏng và quy định lệ phí cấp lại sổ BHXH (trừ trường hợp nguyên nhân hỏng, mất vì lý do bất khả kháng như thiên tai);

+ Bổ sung quy định trong Luật BHXH về việc cấp lại sổ BHXH do người lao động làm mất, hỏng và quy định lệ phí cấp lại sổ BHXH (trừ trường hợp nguyên nhân hỏng, mất vì lý do bất khả kháng như thiên tai.)

- Sửa đổi, bổ sung: Điểm a, Khoản 1, Điều 92; Điều 112 và Điều 117

Nội dung sửa đổi:

+ Bỏ phiếu hội chẩn của bệnh viện đối với trường hợp nghỉ việc do mắc bệnh thuộc danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày;

+ Thay đổi trình tự thực hiện theo hướng tổ chức BHXH tiếp nhận hồ sơ để trực tiếp giải quyết chế độ cho người lao động;

+ Đề nghị quy định thời hạn tối đa người SDLĐ phải thanh toán tiền trợ cấp cho người lao động là 30 ngày kể từ ngày tổ chức BHXH chuyển Danh sách và tiền cho người SDLĐ;

+ Đề nghị quy định thời hạn người SDLĐ nộp hồ sơ cho tổ chức BHXH.

- Sửa đổi, bổ sung: Điểm a, Khoản 1 Điều 92; Điều 112 và Điều 117

Nội dung sửa đổi:

+ Thay đổi trình tự thực hiện theo hướng tổ chức BHXH tiếp nhận hồ sơ để trực tiếp giải quyết chế độ cho người lao động;

+ Quy định thời hạn tối đa người SDLĐ phải thanh toán tiền trợ cấp cho người lao động là 30 ngày kể từ ngày tổ chức BHXH chuyển Danh sách và tiền cho người SDLĐ;

+ Đề nghị quy định thời hạn người SDLĐ nộp hồ sơ cho tổ chức BHXH.

- Sửa đổi, bổ sung: Điểm a, Khoản 1, Điều 92; Điều 113 và Điều 117

Nội dung sửa đổi:

+ Về thành phần hồ sơ: bổ sung Đối với trường hợp lao động nữ là người tàn tật có mức suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên thì có thêm Giấy chứng nhận thương tật (bản sao được chứng thực) hoặc Biên bản giám định mức suy giảm khả năng lao động của Hội đồng/năm Giám định y khoa (bản sao được chứng thực);

+ Về trình tự thực hiện: đề nghị thay đổi trình tự thực hiện theo hướng tổ chức BHXH tiếp nhận hồ sơ để trực tiếp giải quyết chế độ cho người lao động;

+ Quy định thời hạn tối đa người SDLĐ phải thanh toán tiền trợ cấp cho người lao động là 30 ngày kể từ ngày tổ chức BHXH chuyển Danh sách và tiền cho người SDLĐ.

+ Quy định thời hạn người SDLĐ nộp hồ sơ cho tổ chức BHXH.

- Sửa đổi, bổ sung: Điểm a, Khoản 1, Điều 92; Khoản 2, Điều 113 và Điều 117

Nội dung sửa đổi:

+ Về thành phần hồ sơ: Đối với trường hợp con chết sau khi sinh mà chưa được cấp giấy chứng sinh, giấy báo tử thì thay bản sao giấy chứng sinh, giấy khai sinh và bản sao giấy chứng tử bằng bản sao được chứng thực bệnh án hoặc bản sao được chứng thực giấy ra viện của người mẹ;

+ Về trình tự thực hiện: đề nghị thay đổi trình tự thực hiện theo hướng tổ chức BHXH tiếp nhận hồ sơ để trực tiếp giải quyết chế độ cho người lao động;

+ Đề nghị quy định thời hạn tối đa người SDLĐ phải thanh toán tiền trợ cấp cho người lao động là 30 ngày kể từ ngày tổ chức BHXH chuyển Danh sách và tiền cho người SDLĐ;

+Quy định thời hạn người SDLĐ nộp hồ sơ cho tổ chức BHXH;

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 2, Điều 114 và Điều 118

Nội dung sửa đổi:

+ Về thành phần hồ sơ: Sửa lại Đối với trường hợp tai nạn giao thông được xác định là tai nạn lao động thì có thêm Biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường vụ TNGT (bản sao được chứng thực - 01 bản);

+ Quy định thời hạn người SDLĐ phải nộp hồ sơ cho tổ chức BHXH;

+ Hướng dẫn bổ sung về thủ tục hồ sơ đối với trường hợp tai nạn xảy ra trên đường đi và về từ nơi ở đến nơi làm việc mà không phải là tai nạn giao thông.

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 118

Nội dung sửa đổi:

Quy định thời hạn người SDLĐ phải nộp hồ sơ cho tổ chức BHXH.

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 15; Khoản 1, Điều 122

Nội dung sửa đổi:

+ Bổ sung quy định: Tổ chức BHXH thu hồi sổ BHXH sau khi giải quyết chế độ hưu trí để đảm bảo yêu cầu quản lý chặt chẽ, tránh việc lạm dụng sổ BHXH;

+ Quy định thời hạn nộp hồ sơ cho tổ chức BHXH đối với người SDLĐ.

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 15; Khoản 4, Điều 122

Nội dung sửa đổi:

+ Đề nghị bổ sung quy định: Tổ chức BHXH thu hồi sổ BHXH sau khi giải quyết chế độ hưu trí để đảm bảo yêu cầu quản lý chặt chẽ, tránh việc lạm dụng sổ BHXH;

+ Về thời hạn giải quyết: quy định tối đa 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 4, Điều 122

Nội dung sửa đổi:

Thời hạn giải quyết: Tối đa 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 120; Khoản 4, Điều 122 và Điểm b, Khoản 1, Điều 123

Nội dung sửa đổi:

+ Gộp 02 mẫu đơn đề nghị hưởng chế độ hưu trí đối với người tham gia BHXH bắt buộc (mẫu số 14-HSB) và mẫu Tờ khai cá nhân đối với người tham gia BHXH tự nguyện (mẫu số 07-HTN) làm 01 mẫu; đồng thời bỏ phần nội dung xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú và bổ sung nội dung về chủ tài khoản, số tài khoản, ngân hàng mở tài khoản, chi nhánh mở tài khoản đối với trường hợp có nguyện vọng nhận tiền trợ cấp qua tài khoản.

+ Thời hạn giải quyết: Tối đa 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định. (giảm thời hạn giải quyết đối với người tham gia BHXH bắt buộc từ 15 ngày xuống còn 10 ngày).

- Sửa đổi, bổ sung: Điểm b, Khoản 1, Điều 123

Nội dung sửa đổi:

+ Quy định cụ thể Bản dịch tiếng Việt được công chứng của bản sao Bản thị thực nhập cảnh được lưu trú dài hạn hoặc Thẻ thường trú hoặc Giấy xác nhận lưu trú dài hạn do cơ quan có thẩm quyền nước sở tại cấp đối với người ra nước ngoài để định cư;

+ Giấy ủy quyền (bản chính) theo quy định đối với người không có điều kiện về nước để làm thủ tục hưởng trợ cấp.

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 15

Nội dung sửa đổi:

Bổ sung quy định: Tổ chức BHXH thu hồi sổ BHXH sau khi giải quyết chế độ tử tuất để đảm bảo yêu cầu quản lý chặt chẽ, tránh việc lạm dụng.

- Sửa đổi, bổ sung: Điểm a, Khoản 1, Điều 92

Nội dung sửa đổi:

+ Không quy định đơn vị SDLĐ để lại 2% số thu BHXH để chi ốm đau, thai sản, dưỡng sức phục hồi sức khoẻ theo Điều 92 Luật BHXH, việc thanh quyết toán chế độ ốm đau, thai sản theo chế độ thực thanh, thực chi: đơn vị SDLĐ nộp cả 23% số thu BHXH cho cơ quan BHXH, cơ quan BHXH quyết toán và chuyển tiền cho đơn vị để chi cho người lao động;

+ Bổ sung quy định Đơn vị sử dụng lao động có trách nhiệm chi trả cho người lao động trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được kinh phí và hồ sơ do cơ quan BHXH chuyển đến;

+ Quy định thời hạn giải quyết của hồ sơ, chứng từ: chứng từ nghỉ ốm đau, thai sản và nghỉ dưỡng sức phát sinh trong năm được tập hợp và thanh quyết toán trong năm, trường hợp chậm nhất đến hết quý I năm sau.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

23. Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng năm 2006

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 11

Nội dung sửa đổi:

+ Quy định rõ giấy xác nhận về vốn pháp định của Ngân hàng thương mại đối với trường hợp tăng vốn pháp định;

+ Rút ngắn thời hạn giải quyết tối đa là 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định;

+ Quy định rõ tổ chức, cá nhân chỉ lấy giấy xác nhận để chứng minh về vốn pháp định trong trường hợp đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài, không phải lấy xác nhận về vốn pháp định theo quy định của Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng với cơ quan đăng ký kinh doanh khi thực hiện thủ tục đề nghị cấp lại giấy phép đăng ký kinh doanh;

+ Quy định rõ thẩm quyền xác nhận vốn pháp định trong Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 19

Nội dung sửa đổi:

- + Quy định rõ về “Tài liệu chứng minh việc đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài phù hợp với pháp luật của nước tiếp nhận người lao động”;
- + Bỏ “Các tài liệu khác có liên quan đối với từng thị trường lao động”;
- + Quy định rõ doanh nghiệp chỉ phải nộp 01 bộ hồ sơ.
- Sửa đổi, bổ sung: Điều 29, Điều 32 và Điều 41

Nội dung sửa đổi:

+ Quy chuẩn thành mẫu chung trong Báo cáo phương án sử dụng và quản lý người lao động đưa đi;

+ Giảm thời gian thực hiện từ 10 ngày xuống còn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 36, Điều 37

Nội dung sửa đổi:

+ Bỏ Tài liệu chứng minh việc đưa người đi lao động tại nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề phù hợp với pháp luật của nước tiếp nhận thực tập (quy định tại Khoản 3, Điều 37 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng, điểm c 2.1 Mục IV Thông tư 21/2007/TT-BLĐTBXH ngày 08 tháng 10 năm 2007), thay bằng trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về lao động phải kiểm tra, xác minh về sự phù hợp giữa nội dung của hợp đồng với pháp luật của nước tiếp nhận người lao động;

+ Quy định số lượng hồ sơ là 01 bộ.

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 52

Nội dung sửa đổi:

+ Bỏ Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người lao động thường trú hoặc của cơ quan, tổ chức, đơn vị quản lý người lao động và nhận xét về ý thức chấp hành pháp luật, tư cách đạo đức;

+ Quy định rõ số lượng hồ sơ doanh nghiệp phải nộp là 01 bộ;

+ Quy định rõ trường hợp hồ sơ thiếu hoặc chưa đúng, cán bộ tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ, nếu thấy thiếu hoặc chưa đúng phải hướng dẫn và yêu cầu cụ thể để người lao động bổ sung hoàn thiện.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

24. Luật Dạy nghề năm 2006

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 47

Nội dung sửa đổi:

Bãi bỏ việc phê duyệt điều lệ các cơ sở dạy nghề.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội.

25. Luật Xuất bản số 30/2004/QH11

- Sửa đổi Khoản 3, Điều 12:

Nội dung sửa đổi

Sửa đổi điều kiện “có ít nhất một người hoạt động trong lĩnh vực xuất bản từ 03 năm trở lên” thành “Trong các vị trí lãnh đạo nhà xuất bản phải có ít nhất một người hoạt động trong lĩnh vực xuất bản từ 03 năm trở lên tại vị trí từ cấp biên tập viên chính hoặc từ phó trưởng phòng, ban biên tập trở lên của nhà xuất bản”.

- Điểm b, Khoản 1, Điều 16

Nội dung sửa đổi:

Thay thế “lý lịch trích ngang” bằng “sơ yếu lý lịch của nhân sự dự kiến bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo nhà xuất bản có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của cơ quan chủ quản” trong thành phần hồ sơ.

- Sửa đổi Điểm d, Khoản 2, Điều 31:

Nội dung sửa đổi

Thay thế “bản cam kết thực hiện các điều kiện về an ninh trật tự có xác nhận của cơ quan công an có thẩm quyền” bằng “bản sao kèm bản gốc để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận đủ điều kiện an ninh trật tự do cơ quan công an có thẩm quyền cấp”.

- Sửa đổi Khoản 1, Điều 42:

Nội dung sửa đổi

Phân cấp cho Sở Thông tin và Truyền thông thực hiện cấp phép cho cá nhân nước ngoài đang hoạt động tại địa phương được tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm tại địa phương đó.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông.

26. Luật Báo chí; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Báo chí

- Sửa đổi Điều 21

Nội dung sửa đổi:

Thay thế thủ tục này bằng thủ tục Thông báo ra phụ trương quảng cáo và Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung phụ trương quảng cáo của doanh nghiệp đối với cơ quan quản lý nhà nước.

Cơ quan quản lý sẽ ban hành các quy định về yêu cầu, điều kiện ra phụ trương quảng cáo, làm căn cứ để tiến hành công tác hậu kiểm.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Thông tin và Truyền thông.

27. Luật Thể dục, thể thao 2006

- Sửa đổi Điểm đ, Khoản 1, Điều 40

Nội dung sửa đổi:

Bỏ yêu cầu về tên giải thi đấu, huy chương, huy hiệu, cờ hiệu, biểu tượng của giải.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

II. PHÁP LỆNH

1. Pháp lệnh số 24/2000/PL-UBTVQH ngày 28/4/2000 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 2, Điều 14

Nội dung sửa đổi:

+ Sửa đổi thời hạn trình diện và xuất trình thẻ thường trú của người nước ngoài với Cơ quan Quản lý xuất nhập cảnh định kỳ là 05 năm một lần (hiện quy định là 03 năm);

+ Giảm thời hạn giải quyết trường hợp cấp thẻ thường trú xuống 04 tháng và trường hợp xét thấy cần phải thẩm tra bổ sung thì thời gian có thể được kéo dài thêm nhưng không quá 02 tháng (hiện quy định là 06 tháng nếu cần bổ sung thì thời gian có thể được kéo dài thêm nhưng không quá 03 tháng);

+ Bãi bỏ một số thông tin không cần thiết trong mẫu đơn xin thường trú sau: Nơi sinh, dân tộc, địa chỉ ở nước ngoài trước khi nhập cảnh vào Việt Nam; địa chỉ tạm trú tại Việt Nam; nghề nghiệp; nơi làm việc;

+ Quy định rõ số lượng bộ hồ sơ phải nộp cho cơ quan quản lý xuất nhập cảnh là 01 bộ.

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 3 Điều 15

Nội dung sửa đổi:

+ Kéo dài thời hạn thẻ tạm trú từ 01 năm đến 05 năm (hiện quy định từ 01 đến 03 năm);

+ Pháp lý hóa quy định nộp giấy tờ chứng minh mục đích ở lại Việt Nam trong thành phần hồ sơ;

+ Quy định số lượng hồ sơ là 01 bộ.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Công an.

2. Pháp lệnh giống cây trồng số 15/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24 tháng 3 năm 2004

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 6 Điều 3; Khoản 1, 3 Điều 18

Nội dung sửa đổi:

Sửa đổi, bổ sung Khoản 6 Điều 3 Chương I và Khoản 1, 3 Điều 18 Chương III Pháp lệnh số 15/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24 tháng 3 năm 2004 về giống cây trồng theo hướng bãi bỏ thủ tục công nhận giống cây trồng cho sản xuất thử.

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 2, Điều 9

Nội dung sửa đổi:

Sửa đổi, bổ sung Khoản 2 Điều 9 Chương I Pháp lệnh số 15/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24 tháng 3 năm 2004 về giống cây trồng theo hướng giống cây trồng được phép đưa vào sản xuất, kinh doanh ngay sau khi có quyết định công nhận.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 36/2001/PL-UBTVQH 10 ngày 25 tháng 7 năm 2001.

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 2, Điều 31

Nội dung sửa đổi:

Bãi bỏ Khoản 2 Điều 31 Pháp lệnh Bảo vệ và kiểm dịch thực vật số 36/2001/PL-UBTVQH10 ngày 25 tháng 7 năm 2001 và bổ sung quy định mới theo hướng "tổ chức, cá nhân nước ngoài được phép hoạt động trong các lĩnh vực sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật tại Việt Nam sau khi đáp ứng đủ các điều kiện về sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật theo quy định của Chính phủ".

- Cơ quan chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Pháp lệnh Thú y số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 4 năm 2004

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 2 Điều 53, khoản 2 Điều 54 và Điểm c, d khoản 3 Điều 54

Nội dung sửa đổi:

+ Sửa đổi điều kiện đối với người hành nghề thú y theo hướng: Riêng đối với hoạt động tiêm phòng, chẩn đoán bệnh, kê đơn, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe động vật, cá nhân được phép hành nghề ngay sau khi có văn bằng, giấy chứng nhận chuyên môn và phải thông báo với chính quyền cấp xã và trạm thú y cấp huyện nơi hành nghề;

+ Thay thế cụm từ "Sơ yếu lý lịch" tại Điểm c Khoản 3 Điều 54 Pháp lệnh Thú y số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 bằng cụm từ "Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân";

+ Bãi bỏ Điểm d Khoản 3 Điều 54 Pháp lệnh Thú y số 18/2004/PL-UBTVQH11 ngày 29 tháng 4 năm 2004 (quy định về thành phần hồ sơ Giấy chứng nhận sức khỏe).

- Sửa đổi, bổ sung: Khoản 7, Điều 38; Khoản 4, Điều 39; Khoản 2, Điều 40; Khoản 1, Điều 41; Khoản 1, Điều 43; Khoản 1, Điều 46; Khoản 1, 2, 3, Điều 48; Khoản 1, Điều 50; Khoản 1, 2, 4 Điều 51

Nội dung sửa đổi:

Sửa đổi điều kiện sản xuất, gia công, san chia, kinh doanh thuốc thú y, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y (sau đây gọi chung là thuốc thú y) theo hướng: thuốc thú y được phép sản xuất, gia công, san chia và kinh doanh ngay sau khi được cấp Giấy chứng nhận lưu hành (cấp số đăng ký).

- Cơ quan chủ trì: Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

5. Pháp lệnh Ngoại hối

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 9

Nội dung sửa đổi:

Bổ sung Khoản 3 vào Điều 9 như sau:

"3. Tổ chức tín dụng có nhu cầu xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt phải đăng ký với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Hồ sơ, thủ tục đăng ký xuất khẩu, nhập khẩu ngoại tệ tiền mặt do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định".

- Sửa đổi, bổ sung: Điều 23

Nội dung sửa đổi:

Bổ sung Khoản 6, Điều 23 như sau:

"6. Người cư trú là cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, quỹ từ thiện của Việt Nam hoạt động tại Việt Nam được mở tài khoản ngoại tệ ở nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam".

- Cơ quan chủ trì: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

6. Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” năm 1994 và Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng năm 2005

- Sửa đổi, bổ sung:

Nội dung sửa đổi:

Chuyên quy định về xét tặng, truy tặng, giải quyết chế độ ưu đãi đối với “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” tại Pháp lệnh số 36L/CTN ngày 10 tháng 9 năm 1994 quy định danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” vào Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng năm 2005.

- Cơ quan chủ trì: Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội./.